

Số: 213/2020/QĐST-HNGĐ

Hà Nội, ngày 22 tháng 6 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào các Điều 212, 213 và 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 270/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Bà Hồ Thị G, sinh năm 1949

2. Ông Vũ Công B, sinh năm 1946

Cùng ĐKKHKT và trú tại: số 51 phố N, Tập thể M, phường D, quận C, thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: ông Vũ Công B và bà Hồ Thị G kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại UBND xã D, huyện T, thành phố Hà Nội (nay là phường D, quận C, thành phố Hà Nội) ngày 31/12/1979, nên quan hệ hôn nhân của ông B, bà G là hợp pháp.

Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau, không yêu thương, chăm sóc, tôn trọng nhau, vợ chồng đã sống ly thân. Nay, ông, bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn, cho thấy tình trạng hôn nhân của ông, bà đã ở mức độ trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Tòa án công nhận thuận tình ly hôn cho ông bà là phù hợp quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: ông Vũ Công B và bà Hồ Thị G có 03 con chung là: Vũ Ngọc A, sinh ngày 27/10/1976; Vũ Anh N, sinh ngày 12/12/1983; Vũ Đại S, sinh ngày 17/6/1987.

Các con đã đủ 18 tuổi và đã có gia đình riêng, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[3] Về tài sản chung (động sản, bất động sản): ông B, bà G thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[4] Về nợ chung: ông B, bà G xác nhận vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[5] Về lệ phí ly hôn: ông B, bà G được miễn toàn bộ tiền lệ phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Vũ Công B và bà Hồ Thị G.

[2] Về con chung: Các con đã đủ 18 tuổi và đã có gia đình riêng, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[3] Về tài sản chung (động sản, bất động sản): Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[4] Về nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[5] Về lệ phí Tòa án: Ông B, bà G được miễn toàn bộ tiền lệ phí Hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật. Trả lại cho bà Hồ Thị G số tiền 300.000 đồng tạm ứng lệ phí đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003537 ngày 04/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cầu Giấy.

II. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND quận Cầu Giấy;
- UBND p. D, quận C, Hà Nội.
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Vũ Thu Hiền

